TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 637/2023/HC-PT
Ngày 02-8-2023
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười và bà Trần Thị Thu Thủy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 27/7/2023 đến ngày 02/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 326/2023/TLPT-HC ngày 18 tháng 5 năm 2023 về "Khiếu kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2190/2022/HC-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị bà Phạm Thị H kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1784/2023/QĐPT-HC ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1963

Địa chỉ: 1 Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Xuân K, sinh năm 1958 . Địa chỉ: I P, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ G N, Phường B, quận B, TP .) (Có mặt).

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân quận B (Vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: F P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hồ P – Phó Chủ tịch UBND quận B (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Phan Ngọc Anh H1 - Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bà Trần Thị H2 – Chuyên viên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Minh T, sinh năm 1963. Địa chỉ: 1 Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Phạm Thị H *trình bày:*

Nhà đất số A P (số cũ I N), Phường B, quận B do ông Vũ Minh T và bà Phạm Thị H là chủ sử dụng, thuộc diện giải tỏa toàn bộ để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị B - S trên địa bàn quận B.

Theo Văn bản số 7549/UBND-ĐTMT về điều chỉnh đơn giá đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ trong dự án: vị trí nhà đất số A P (số cũ I N), Phường B, quận B của ông Vũ Minh T bà Phạm Thị H có đơn giá đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ được thẩm định và phê duyệt là 22.085.000 đồng/m2.

Ngày 23/02/2010, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) quận B đã ban hành Quyết định số 1589/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn bộ căn nhà số A P nêu trên (sau đây gọi tắt là "Quyết định 1589") của ông T và bà H, theo đó diện tích đất 58,4m2 của ông T bà H chỉ được tính 30% đơn giá đất ở là 22.085.000 đồng/m2. Ngày 12/3/2010, ông T, bà H đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo Quyết định bồi thường nêu trên với tổng số tiền là 1.429.689.440 đồng.

Do không đồng ý với 30% đơn giá đất nêu trên nên bà H đã khiếu nại. Ngày 04/02/2016, Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định 856/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (Lần đầu) (sau đây gọi tắt là "Quyết định 856") với nội dung bác khiếu nại của bà H, giữ nguyên Quyết định 1589. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên bà H đã khởi kiện hành chính đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09/7/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án sơ thẩm số 879/2018/HC-ST về việc khiếu kiện quyết định hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H. Sau đó bà H có kháng cáo yêu cầu cầu tính đơn giá bồi thường về đất là 100%. Ngày 11/6/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án phúc thẩm số 345/2019/HC-PT tuyên xử: Buộc UBND quận B phải tính bồi thường diện tích đất 58,4m2 cho ông T, bà H là 100% đơn giá đất ở.

Thi hành Bản án phúc thẩm số 345 nêu trên, ngày 27/01/2021 UBND quận B ban hành Quyết định số 498/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn bộ căn nhà số A P của ông T, bà H thay thế Quyết định 1589, kèm Phiếu chiết tính ngày 15/7/2020, theo đó phần diện tích đất 58,4m2 đã được tính 100% đơn giá đất ở là 22.085.000 đồng/m2 với tổng số tiền bồi thường, hỗ

trợ925.339.360 đồng. Ngày 04/11/2021, bà H đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung nêu trên.

Ngày 25/11/2021 bà Phạm Thị H có Đơn kiến nghị có nội dung đề nghị UBND quận B chi trả tiền lãi suất ngân hàng L, phần giá trị lạm phát (trượt giá) kể từ ngày 27/01/2010 cho đến khi thi hành Bản án số 345/2019/HC-PT ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07/01/2022, UBND quận B có Văn bản số 78/UBND-BTGPMB (sau đây gọi tắt là "Công văn 78") về việc trả lời đơn bà Phạm Thị H có nội dung bác yêu cầu của bà H về tính lãi suất đối với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung 925.339.360 đồng của bà Phạm Thị H.

Ngày 15/4/2022, bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy 4" \o "văn"Văn bản số 78 của UBND quận B;

Buộc UBND quận B phải tính lãi do chậm chi trả gây thiệt hại cho bà với số tiền 1.267.869.918 đồng;

Buộc UBND quận B tính toán lại đơn giá bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà H đã rút yêu cầu khởi kiện này.

Người bị kiện UBND quận B*, Chủ tịch* UBND quận B *có văn bản trình bày:*

Các quyết định hành chính và các tình tiết của khiếu kiện giống như bà H trình bày.

Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị B - S trên địa bàn quận B được phê duyệt ngày 13/4/2009, UBND quận B đã bồi thường xong cho gia đình bà H đúng pháp luật, nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2190/2022/HC-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc:

Yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 78/UBND-BTGPMB ngày 07/01/2022 của UBND quận B về việc trả lời đơn; Buộc UBND quận B tính toán tiền lãi trên số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo quy định của pháp luật cho bà Phạm Thị H; Hủy Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của UBND quận B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 28/12/2022, bà H có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà H cùng người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cho rằng: Luật Đất đai năm 2004 không quy định về lãi do chậm chi trả tiền bồi thường, Luật Đất đai năm 2013 có quy định, nhưng không quy định về hồi tố nên UBND quận

B không chấp nhận chi trả thêm tiền lãi suất chậm trả cho bà H. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, không có căn cứ để xác định UBND quận B chậm chi trả tiền bồi thường cho hộ bà H nên T1 sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc UBND quận B phải chi trả thêm tiền lãi suất chậm trả là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của Phạm Thị H là trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại Đơnởi kiện (Bút lục 162) bà Phạm Thị H có yêu cầu buộc UBND quận B phải tính lại đơn giá bồi thường về đất ở. Tại Biên bản phiên tòa (Bút lục 191) và trong phần "Nhận định" của Bản án sơ thẩm thể hiện ông Trần Xuân K là người đại diện được bà H ủy quyền đã rút yêu cầu nêu trên. Nhưng trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm đã không đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện đã rút này là chưa phù hợp với Điều 140 của Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, sơ suất này không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự nên không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm, mà cần bổ sung vào phần Quyết định của bản án phúc thẩm cho phù hợp.

[3]. Việc bà H trình bày trong đơn kháng cáo đưa ra lý do đề nghị hủy Bản án sơ thẩm: Ông H và ông K không được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa, mà chỉ được Tòa án gọi bằng điện thoại mời đến tham dự phiên tòa, là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo Biêntống đạt ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục 183) thể hiện: Giấy triệu tập ông K đến tham dự phiên tòa ngày 22/12/2022 đã được giao cho bà Phạm Thị H, bà H đã cam kết giao lại cho ông K. Mặt khác, trên thực tế thì ông K và bà H đều có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó căn cứ để đề nghị hủy bản án nêu trên của ông K và bà H là không có căn cứ chấp nhận.

* Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính hành vi hành chính bị khiếu kiện:

[4]. Ngày 23/02/2010, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 1589/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn bộ căn nhà số A P của ông T và bà H, theo đó diện tích đất 58,4m2 của ông T bà H chỉ được tính 30% đơn giá đất ở là 22.085.000 đồng/m2. Ngày 12/3/2010, ông T, bà H đã

nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo Quyết định bồi thường nêu trên với tổng số tiền là 1.429.689.440 đồng.

Do không đồng ý với 30% đơn giá đất nên bà H đã khiếu nại. Ngày 04/02/2016, Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định 856/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (Lần đầu) với nội dung, bác khiếu nại của bà H, giữ nguyên Quyết định 1589. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên bà H đã khởi kiện hành chính đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 09/7/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết tại Bản án sơ thẩm số 879/2018/HC-ST, bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H. Sau đó bà H có kháng cáo, yêu cầu cầu tính đơn giá bồi thường về đất là 100%. Đến ngày 11/6/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án phúc thẩm số 345/2019/HC-PT tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, buộc UBND quận B phải tính bồi thường diện tích đất 58,4m2 cho ông T, bà H với 100% đơn giá đất ở.

Thực hiện theo Bản án phúc thẩm số 345 nêu trên ngày 27/01/2021, UBND quận B ban hành Quyết định số 498/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn bộ căn nhà số A P của ông T, bà H thay thế Quyết định 1589, kèm Phiếu chiết tính ngày 15/7/2020, theo đó, phần diện tích đất 58,4m đã được tính 100% đơn giá đất ở là 22.085.000 đồng/m2 theo quy định với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 925.339.360 đồng. Ngày 04/11/2021, bà H đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung nêu trên.

Ngày 25/11/2021 bà Phạm Thị H có Đơnến nghị với nội dung kiến nghị UBND quận B chi trả tiền lãi suất ngânlũy tiến, phần giá trị lạm phát (trượt giá) kể từ ngày 27/01/2010 cho đến khi thi hành Bản án số 345/2019/HC-PT ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07/01/2022, UBND quận B có Văn bản số 78/UBND-BTGPMB về việc trả lời đơn của bà Phạm Thị H có nội dung bác yêu cầu của bà H về tính lãi suất đối với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung là 925.339.360 đồng của bà Phạm Thị H.

[5]. Xét UBND quận B và Chủ tịch UBND quận B ban hành các quyết định hành chính nêu trên là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền, phù hợp với các quy định tại Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Bộ T2 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2008 của UBND Thành phố về thu hồi đất để tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện Dự án tuyến đường sắt B - S được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2009 của UBND Thành phố H.

[6]. *Xét bà* H *yêu cầu tính tiền lãi do chậm chi trả số tiền 925.339.360 đồng:*

Ngày 23/02/2010, UBND quận B ban hành Quyết định số 1589/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Không đồng ý với Quyết

định này bà H đã khởi kiện, Tòa án đã giải quyết bằng Bản án hành chính phúc thẩm số 345 có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào Bản án hành chính phúc thẩm này, ngày 27/01/2021 UBND quận B ban hành Quyết định số 498/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (Bồi thường, hỗ trợ bổ sung thêm) cho ông T, bà H số tiền là 925.339.360 đồng. Đến ngày 04/11/2021, UBND quận B mới chi trả cho ông T, bà H số tiền 925.339.360 đồng (Bút lục 25). Thời hạn 30 ngày để UBND quận B thực hiện chi trả số tiền nêu trên cho ông T, bà H bắt đầu tính từ ngày ban hành Quyết định số 498/QĐ-UBND là ngày 27/01/2021. Tính đến ngày 04/11/2021 UBND quận B mới chi trả là 09 tháng 07 ngày là đã quá thời hạn 08 tháng 7 ngày (09 tháng 07 ngày – 30 ngày= 08 tháng 07 ngày, tương đương 247 ngày).

[7]. Điều 93 của Luật Đất đai năm 2013, có quy định:

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhànước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

[8]. Tuy nhiên, tại khoản 6 Điều 210 của Luật Đất đai năm 2013, quy định: *"Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của Luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này".*

[9]. Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị B - S trên địa bàn quận B được phê duyệt vào ngày 13/4/2009. Đến nay UBND quận B đã chi trả xong toàn bộ số tiền bồi thường hỗ trợ cho ông T và bà H, tuy việc chi trả có chậm nhưng do Luật Đất đai năm 2013 không quy định hồi tố, nên không áp dụng quy định tại Điều 93 được viện dẫn nêu trên của Luật Đất đai năm 2013 để giải quyết đối với các yêu cầu nêu trên của bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu của bà Phạm Thị H đề nghị buộc UBND quận B phải thực hiện hành vi giải quyết thanh toán thêm cho gia đình bà Phạm Thị H một khoản tiền do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với số tiền 925.339.360 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó kháng cáo của bà H đề nghị hủy Bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[10]. Kiến nghị UBND quận B rút kinh nghiệm trong việc chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người dân bị thu hồi đất trong các dự án.

[11]. Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi của người bị kiện và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[12]. Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên bà Phạm Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm.

[13] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị H.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 2190/2022/HC-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 140, khoản 6 Điều 210 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 50 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhànước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Bộ T2 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2008 của UBND Thành phố về thu hồi đất để tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện Dự án tuyến đường sắt B - S được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2009 của UBND Thành phố H; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H buộc UBND quận B phải tính lại đơn giá bồi thường về đất ở khi thu hồi đối với nhà đất số A P (số cũ I N), Phường B, quận B có diện tích 58,4m2 do ông Vũ Minh T và bà Phạm Thị H là chủ sử dụng.

2. Bác yêu cầu của bà Phạm Thị H đề nghị hủy Văn bản số 78/UBND-BTGPMB ngày 07/01/2022 của UBND quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc trả lời đơn của bà Phạm Thị H.

3. Bác yêu của bà Phạm Thị H đề nghị buộc UBND quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện hành vi giải quyết thanh toán thêm cho gia đình bà Phạm Thị H một khoản tiền do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với số tiền 925.339.360 đồng.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị H được miễn.

5. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- ĐS (3);
- Lưu VP(3), HS(2).15b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khương